

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y**



BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG
DỊCH BỆNH TRÊN CÁ TRA 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị triển khai Nghị định 55/2017/NĐ-CP và bàn giải
pháp phát triển bền vững ngành hàng cá tra)*

Tiền Giang, tháng 6/2017

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH.....	1
1. Bệnh gan thận mủ.....	1
2. Bệnh xuất huyết.....	2
3. Nguyên nhân khác.....	2
4. Nhận định tình hình dịch bệnh trên cá tra.....	3
II. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH TRÊN CÁ TRA.....	3
1. Một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng, chống dịch bệnh.....	3
2. Kế hoạch phòng chống dịch bệnh.....	3
3. Tổ chức phòng, chống và giám sát dịch bệnh nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.....	4
III. NHỮNG KHÓ KHĂN, TÒN TẠI, BẤT CẬP HIỆN NAY.....	5
1. Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.....	5
2. Quy hoạch vùng nuôi.....	5
3. Hệ thống thú y thủy sản của địa phương.....	5
4. Công tác quan trắc môi trường, giám sát dịch bệnh:.....	6
5. Báo cáo dịch bệnh.....	6
6. Xử lý ao bệnh, cơ sở nuôi bị bệnh.....	6
7. Công tác quản lý sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y thủy sản.....	6
8. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.....	6
IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2017.....	6
1. Chủ động giám sát để phòng dịch bệnh trên cá tra.....	6
2. Hỗ trợ xuất khẩu thủy sản và hợp tác quốc tế.....	7
3. Tổ chức theo dõi, kiểm soát tốt dịch bệnh;.....	7
4. Tăng cường hệ thống thú y thủy sản các cấp.....	7
5. Tăng cường thông tin tuyên truyền phòng chống dịch bệnh.....	7
6. Phối hợp với các đơn vị, các hiệp hội liên quan và các địa phương.....	7
7. Hướng dẫn các Chi cục địa phương.....	7
PHỤ LỤC.....	8

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH
BỆNH TRÊN CÁ TRA 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

*(Tài liệu phục vụ Hội nghị triển khai Nghị định 55/2017/NĐ-CP và bàn giải pháp
phát triển bền vững ngành hàng cá tra)*

I. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

Từ ngày 01/01 – 20/6/2017 (06 tháng), theo báo cáo của các địa phương, tổng diện tích nuôi cá tra bị thiệt hại là 174,17 ha (**giảm 10,62% so với cùng kỳ năm 2016 có diện tích bị thiệt hại là 194,86 ha**); chiếm 6,01% tổng diện tích nuôi cá tra của cả nước (số liệu do Tổng cục Thủy sản cung cấp đến 15/6/2017 là 2.898 ha). Tình hình dịch bệnh một số bệnh quan trọng như sau:

1. Bệnh gan thận mũ

- Trong 06 tháng đầu năm 2017, bệnh gan thận mũ đã xảy ra tại 17 xã của 8 huyện tại 2 tỉnh (An Giang và Đồng Tháp) với tổng diện tích bị bệnh là 22,8 ha (bao gồm: 22 ha cá tra nuôi thương phẩm và 0,8 ha cá tra giống), chiếm 7,62% diện tích thả nuôi tại các xã có dịch bệnh ở thời điểm báo cáo. Cá tra bị bệnh có độ tuổi từ 14-95 ngày sau thả.

- Tỉnh An Giang có diện tích bị bệnh lớn hơn (chiếm 64,91% tổng diện tích bị bệnh – Bảng 3 Phụ lục).

- So với 06 tháng đầu năm 2016, bệnh xảy ra ở phạm vi giảm 02 xã (tương đương 11%) và diện tích có cá tra mắc bệnh giảm 37% (Bảng 1, Hình 1 – Phụ lục).

Bảng 1: Tổng hợp dịch bệnh gan thận mũ trong năm 2016 – 2017.

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2017
Số tỉnh có cá bị bệnh	2	2
Số huyện có cá bị bệnh	9	8
Số xã có cá bị bệnh	19	17
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	36,46	22,80

2. Bệnh xuất huyết

- Trong 06 tháng đầu năm 2017, bệnh xuất huyết đã xảy ra tại 31 xã, 11 huyện, thị xã thuộc 3 tỉnh, gồm: Đồng Tháp, An Giang và Hậu Giang.

- Tổng diện tích bị bệnh là 114,77 ha (bao gồm: 90,52 ha cá tra nuôi thương phẩm và 24,25 ha cá tra giống); chiếm 18,56% diện tích thả nuôi tại các xã có dịch bệnh ở thời điểm báo cáo. Cá tra bị bệnh có độ tuổi từ 15-210 ngày sau thả.

- Trong 03 tỉnh xảy ra bệnh xuất huyết thì Đồng Tháp có diện tích bị bệnh lớn nhất (chiếm 72,75% tổng diện tích bị bệnh - Bảng 4 Phụ lục).

- So với 06 tháng đầu năm 2016, bệnh xảy ra ở phạm vi giảm 09 xã (tương đương 22%), nhưng diện tích có cá tra mắc bệnh bệnh tăng 4% (Bảng 2, Hình 2 – Phụ lục).

Bảng 2: Số liệu dịch bệnh xuất huyết trong năm 2016 – 2017

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	06 tháng đầu năm 2016	06 tháng đầu năm 2017
Số tỉnh có cá bị bệnh	3	3
Số huyện có cá bị bệnh	16	11
Số xã có cá bị bệnh	40	31
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	110,37	114,77

3. Nguyên nhân khác

- **Bệnh do ký sinh trùng:** 52,07 ha và 1 vèo bao gồm 26,21 ha cá tra giống và 1 vèo và 25,86 ha cá tra thương phẩm tại Đồng Tháp bị bệnh.

- **Bệnh trắng gan, trắng mang, trắng mình:** 0,9 ha cá tra nuôi bị bệnh tại An Giang.

- **Chưa xác định/không rõ nguyên nhân:** 0,92 ha cá tra nuôi tại Bến Tre bị thiệt hại nhưng không xác định nguyên nhân.

Ngoài ra có 0,85 ha cá tra nuôi tại An Giang bị trắng đui, tuột nhớt, nhiễm khuẩn và 0,6 ha bị trương bóng hơi.

Ghi chú:

- Có thể việc báo cáo của các địa phương chưa đầy đủ, nên số liệu cá tra bị bệnh nêu trên chưa phản ánh chính xác tình hình thực tế.

- Có một số diện tích nuôi bị từ 2 bệnh/nguyên nhân trở lên, do vậy có sự sai khác giữa tổng diện tích bị bệnh theo từng nguyên nhân với tổng diện tích thiệt hại thực tế.

4. Nhận định tình hình dịch bệnh trên cá tra

- Trong 06 tháng đầu năm 2017, tình hình dịch bệnh trên cá tra nuôi giảm so với cùng kỳ năm 2016 cả về phạm vi và diện tích xảy ra dịch bệnh.

- Nguyên nhân diện tích thiệt hại giảm so với cùng kỳ các năm trước: (1) Bộ NN&PTNT và Cục Thú y đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp về quản lý nuôi, phòng, chống dịch bệnh; (2) Cục Thú y đã tổ chức giám sát, cảnh báo sớm và hướng dẫn cụ thể các biện pháp phòng, chống; (3) Các địa phương từng bước tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống từng bước có hiệu quả; công tác phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn cho người nuôi trồng để chủ động các biện pháp phòng bệnh tốt, đạt hiệu quả hơn; từng bước phát huy năng lực của hệ thống thú y trên cạn tham gia thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

- Tuy nhiên, do mầm bệnh trên cá tra còn lưu hành rộng rãi, cùng với diễn biến thời tiết, khí hậu, môi trường bất lợi nên diện tích bị thiệt hại cũng như bị dịch bệnh trong thời gian tiếp tới có nguy cơ tăng cao.

II. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH TRÊN CÁ TRA

1. Một số văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng, chống dịch bệnh

- Ngày 09/5/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2017/NĐ-CP quy định quản lý nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra.

- Ngày 29/3/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 1038/QĐ-BNN-TY về việc phê duyệt “Kế hoạch Quốc gia giám sát dịch bệnh trên tôm và trên cá tra góp phần phục vụ xuất khẩu, giai đoạn 2017 - 2020”.

- Ngày 20/01/2017, Cục Thú y ban hành Công văn số 113/TY-TS gửi các đơn vị về việc cung cấp thông tin về dịch bệnh và diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Ngày 16/5/2017, Cục Thú y đã tổ chức họp với tất cả các đơn vị thuộc Cục và ban hành Công văn số 927/TY-TS chỉ đạo các đơn vị thuộc Cục về việc chủ động theo dõi, phát hiện sớm và ứng phó với các trường hợp thủy sản chết nhiều bất thường.

- Ngày 09/6/2017, Cục Thú y đã ban hành Công văn số 1079/TY-TS gửi cá đơn vị đề nghị cung cấp danh sách các doanh nghiệp có chuỗi sản xuất tôm, cá tra để giám sát dịch bệnh phục vụ xuất khẩu.

2. Kế hoạch phòng chống dịch bệnh

Trong 10 tỉnh nuôi cá tra chỉ có 6 tỉnh có kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản đã được phê duyệt; trong đó 4 tỉnh đã bố trí kinh phí trên 1,5 tỷ đồng.

Ngoài ra có 02/10 tỉnh nuôi cá tra có “Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cá tra giai đoạn 2015-2020” gồm tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long. Trong đó,

Vĩnh Long bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch là 2.097.916.000 đồng; Tiền Giang bố trí kinh phí hàng năm; các tỉnh còn lại lồng ghép trong kế hoạch phòng, chống dịch bệnh hàng năm của địa phương.

3. Tổ chức phòng, chống và giám sát dịch bệnh nhằm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu

a) Tổ chức triển khai “Kế hoạch Quốc gia phòng, chống dịch bệnh trên cá tra, giai đoạn 2015 - 2020” được ban hành kèm theo Quyết định số 4995/QĐ-BNN-TY, cụ thể:

- Năm 2016: Tổ chức giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh tại cơ sở sản xuất cá tra giống và nuôi cá tra thương phẩm của tỉnh Bến Tre và tỉnh An Giang. Kết quả được tóm tắt như sau (Bảng 5):

+ Tổng số 89,74% cơ sở sản xuất cá tra giống và nuôi cá tra thương phẩm nhiễm ít nhất một trong hai hoặc cả hai tác nhân gây bệnh gan thận mũ (*E. ictaluri*) và bệnh xuất huyết (*A. hydrophila*). Trong đó, 100% cơ sở sản xuất cá tra giống và 87,88% cơ sở nuôi cá tra thương phẩm có ít nhất một trong hai tác nhân gây bệnh.

+ Tỷ lệ lưu hành bệnh xuất huyết là 8,83%, trong đó cá tra giống được sản xuất và ương nuôi là 8,60% và cá tra nuôi thương phẩm là 7,61%. Các huyện của tỉnh An Giang có tỷ lệ lưu hành trung bình là 10,58%, cao hơn nhiều so với các huyện của tỉnh Bến Tre 4,42%.

+ Tỷ lệ lưu hành gan thận mũ là 3,36%, trong đó cá tra giống được sản xuất và ương nuôi là 2,56% và cá tra nuôi thương phẩm là 3,01%. Các huyện của tỉnh An Giang có tỷ lệ lưu hành trung bình là 2,07%, thấp hơn nhiều so với các huyện của tỉnh Bến Tre 3,98%.

+ Trong số 22 kháng sinh được thử, có 20 (chiếm 91%) loại kháng sinh kháng với vi khuẩn *A. hydrophila* và 15 (chiếm 68%) loại kháng sinh kháng với vi khuẩn *E. ictaluri*.

+ Các kết quả phân tích dịch tễ chuyên sâu cho thấy, các giải pháp phòng, chống cần tập trung tại các cơ sở sản xuất, nuôi cá tra và việc thực hiện của chủ cơ sở đóng vai trò quan trọng, quyết định vào kết quả phòng, chống dịch bệnh.

- Năm 2017: Do mới được cấp kinh phí vào tháng 5/2017, hiện tại Cục Thú y đang thiết kế chương trình giám sát dịch bệnh trên tôm và trên cá tra phục vụ xuất khẩu theo Quyết định số 1038/QĐ-BNN-TY ngày 29/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Cục Thú y đã chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy sản và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xây dựng tài liệu (41.000 tờ rơi) tuyên truyền hướng dẫn về nuôi trồng thủy sản an toàn thực phẩm.

c) Cục Thú y đã phối hợp với Đại học Cần Thơ và các Chi cục Thú y tổ chức tập huấn cho lực lượng làm công tác thú y thủy sản, nhất là về phòng,

chống dịch bệnh trên cá tra từ cấp ấp đến cấp xã, huyện và tỉnh tại Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Thơ, Đồng Tháp và An Giang.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, BẤT CẬP HIỆN NAY

1. Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh:

- Mặc dù nuôi trồng thủy sản đóng góp rất lớn cho phát triển kinh tế của nhiều địa phương, nhưng chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thú y thủy sản, dẫn đến các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ chỉ được phổ biến đến cấp huyện.

- Tại cấp xã, thôn/ấp/khóm, đa số người nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ không nắm được các văn bản hướng dẫn, các quy định về thú y thủy sản. Đặc biệt, đa số địa phương chưa quan tâm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt và cấp đủ kinh phí để triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản, do đó nhiều nội dung về phòng, chống dịch bệnh không được thực hiện hoặc thực hiện không đồng bộ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành “Kế hoạch Quốc gia phòng, chống dịch bệnh trên cá tra, giai đoạn 2015 – 2020”, tuy nhiên, chỉ có 02 tỉnh có kế hoạch và bố trí kinh phí để thực hiện.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành “Kế hoạch Quốc gia giám sát dịch bệnh trên tôm và cá tra phục vụ xuất khẩu, giai đoạn 2017 – 2020” là một nội dung cụ thể hóa của Chương trình quốc gia, nhưng đến nay chưa có địa phương nào xây dựng và bố trí kinh phí thực hiện.

- Các cơ sở sản xuất, nuôi, chế biến cá tra cũng chưa quan tâm và có kế hoạch về giám sát, phòng chống dịch bệnh.

2. Quy hoạch vùng nuôi:

Nhiều phương chưa chú trọng hoặc năng lực về quy hoạch hạn chế, dẫn đến việc quy hoạch vùng nuôi thủy sản, dẫn đến cơ sở hạ tầng (hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông) chưa được đầu tư dẫn đến khó kiểm soát dịch bệnh.

3. Hệ thống thú y thủy sản của địa phương:

- Các địa phương đã tổ chức thực hiện một số giải pháp về nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh và quản lý dịch bệnh tuy nhiên còn nhiều bất cập, thiếu sót và không đồng bộ.

- Hiện nay còn nhiều địa phương chưa rà soát, bố trí nhân lực cấp huyện, cấp xã để triển khai công tác thú y thủy sản hoặc có bố trí nhân viên thú y cấp xã triển khai nhiều nội dung quan trọng của công tác thú y thủy sản nhưng chính sách đãi ngộ không thay đổi dẫn đến người lao động không tâm huyết với nhiệm vụ mới dẫn đến việc triển khai thực hiện chưa đạt yêu cầu so với nhiệm vụ được giao.

4. Công tác quan trắc môi trường, giám sát dịch bệnh:

Công tác giám sát chưa gắn liền với giám sát dịch bệnh nên hiệu quả không cao, không phản ánh mối liên hệ giữa môi trường và dịch bệnh cũng như không phân tích được tác động qua lại giữa môi trường và dịch bệnh một cách đầy đủ. Nguyên nhân là do: không có sự chia sẻ thông tin giữa hai hệ thống làm công tác thú y thủy sản và nuôi trồng thủy sản và hiểu biết còn có sự khác biệt giữa hai hệ thống nên chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hoặc phản ứng còn chậm và chưa đồng bộ.

5. Báo cáo dịch bệnh: Mặc dù đã có các quy định, hướng dẫn rất cụ thể nhưng do thiếu kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và năng lực cán bộ được giao nhiệm vụ nên việc ghi chép thông tin từ tuyến cơ sở không đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tốc độ chuyển tải thông tin, do vậy gây khó khăn, cản trở cho việc tổng hợp, phân tích, đánh giá và nhận định cảnh báo về tình hình thực tế dịch bệnh. Kết quả, thiếu cơ sở để tổ chức chỉ đạo, điều hành và đưa ra giải pháp thực hiện các biện pháp khắc phục tồn tại, bất cập.

6. Xử lý ao bệnh, cơ sở nuôi bị bệnh: Hiện nay hầu hết các cơ sở nuôi khi có thủy sản bị bệnh thường xả thải nước ao bệnh trong trường hợp không tái sử dụng nguồn nước ra ngoài môi trường, dẫn đến các loại mầm bệnh phát tán, lưu hành rộng rãi trong vùng nuôi và gây bệnh ở diện rộng.

7. Công tác quản lý sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng thuốc thú y thủy sản còn rất nhiều tồn tại: tình trạng các đại lý, cơ sở sản xuất thuốc thú y thủy sản tiếp thị và bán sản phẩm ngay tại ao nuôi rất phổ biến, trong khi sản phẩm không đạt chất lượng hoặc chưa được kiểm tra chất lượng để được lưu hành nhưng vẫn bán trên thị trường, dẫn đến người nuôi mất rất nhiều kinh phí, nhưng không phòng, trị được bệnh thủy sản hoặc kém hiệu quả; sản phẩm thủy sản chứa nhiều chất tồn dư, đã bị hầu hết các thị trường nhập khẩu thủy sản cảnh báo, đình chỉ nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam. Việc truy xuất nguồn gốc các lô hàng thủy sản bị cảnh báo dư lượng kháng sinh còn gặp nhiều khó khăn do các Công ty báo cáo thông tin chưa chính xác, thiếu sự kiểm tra, đánh giá lại của cơ quan quản lý nên việc truy xuất nguồn gốc kháng sinh tại cơ sở nuôi không đạt được kết quả như mong đợi.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành chưa được tổ chức thực hiện thường xuyên, chưa đảm bảo việc thực thi nghiêm túc các quy định của pháp luật.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2017

1. Chủ động giám sát để phòng dịch bệnh trên cá tra

Tổ chức triển khai “Kế hoạch Quốc gia giám sát dịch bệnh trên tôm và cá tra phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2017-2020” theo Quyết định số 1038/QĐ-BNN-TY ngày 29/3/2017 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT.

2. Hỗ trợ xuất khẩu thủy sản và hợp tác quốc tế

- Nghiên cứu yêu cầu về công tác phòng chống dịch bệnh của các thị trường nhập khẩu thủy sản để đề xuất, hướng dẫn, chỉ đạo triển khai nhằm đáp ứng đòi hỏi của các thị trường.

- Kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế trong nâng cao năng lực dịch tễ, chẩn đoán xét nghiệm bệnh thủy sản.

- Chủ động, tích cực tham gia sửa đổi Luật thú y thủy sản của OIE.

3. Tổ chức theo dõi, kiểm soát tốt dịch bệnh;

Tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra, hướng dẫn và đến từng địa phương để phối hợp thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

4. Tăng cường hệ thống thú y thủy sản các cấp

Tăng cường năng lực dịch tễ, phòng, chống dịch bệnh thủy sản; tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác thú y thủy sản các cấp.

5. Tăng cường thông tin tuyên truyền phòng chống dịch bệnh

6. Phối hợp với các đơn vị, các hiệp hội liên quan và các địa phương

Triển khai quyết liệt việc kiểm tra, chấn chỉnh công tác quản lý vật tư đầu vào (con giống, vật tư nông nghiệp, chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý và cải tạo môi trường) thuộc phạm vi đơn vị quản lý.

7. Hướng dẫn các Chi cục địa phương

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống theo quy định của Luật thú y, Thông tư số 04/2016/TT-BNN&PTNT ngày 10/5/2016; hướng dẫn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNN&PTNT ngày 02/6/2016.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, điều tra, xử lý ổ dịch theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh; nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong công việc nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh đồng thời củng cố và xây dựng lòng tin cho người dân.

- Đẩy mạnh công tác tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã để đảm bảo đáp ứng nhu cầu quản lý và công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản tại địa phương.

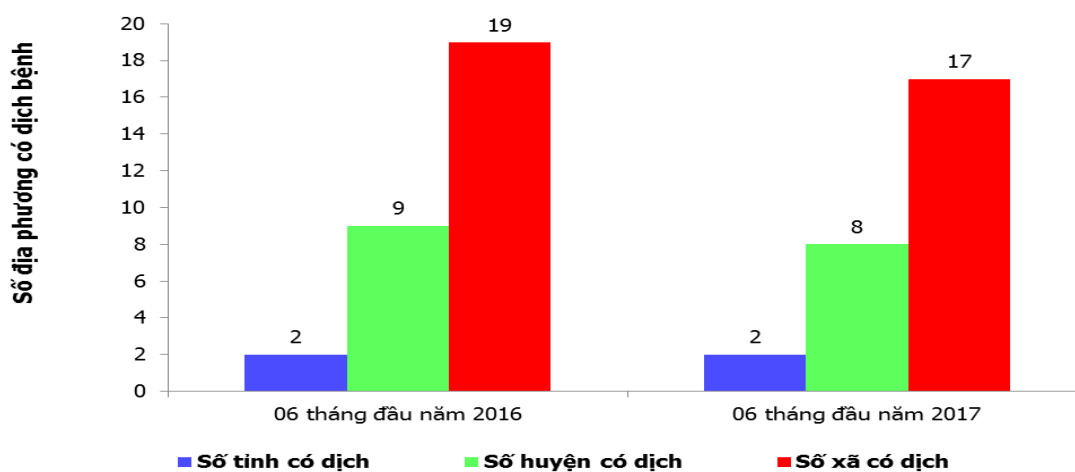
- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

CỤC THÚ Y

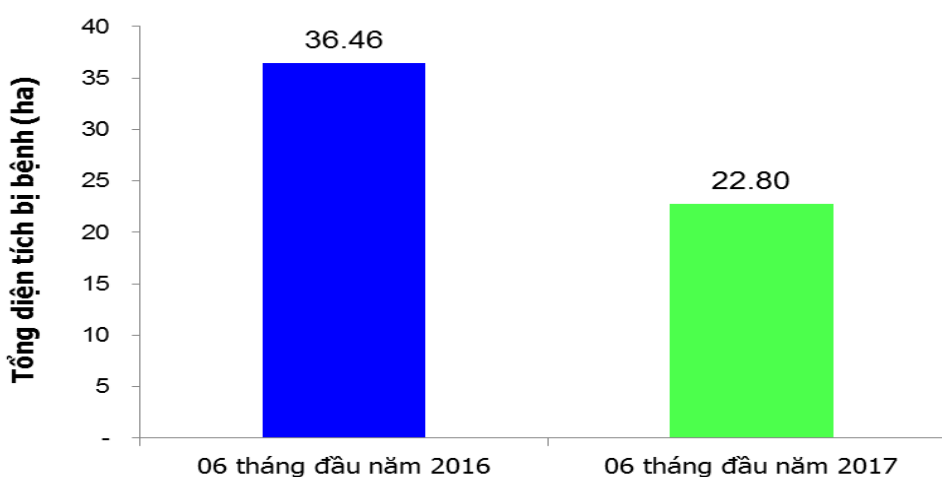
PHỤ LỤC

Bảng 3: Bệnh gan thận mũ trên cá tra 06 tháng đầu năm 2017 tại các tỉnh.

TT	Tỉnh có dịch	Số huyện có dịch	Số xã có dịch	Diện tích bệnh (ha)	Diện tích (ha) nuôi tại thời điểm báo cáo	Tỷ lệ (%) diện tích nuôi bị bệnh
1	Đồng Tháp	2	4	8	43,30	18,48
2	An Giang	6	13	14,8	255,82	5,79
	Tổng cộng	8	17	22,80	299,12	7,62



So sánh theo địa phương bị bệnh,

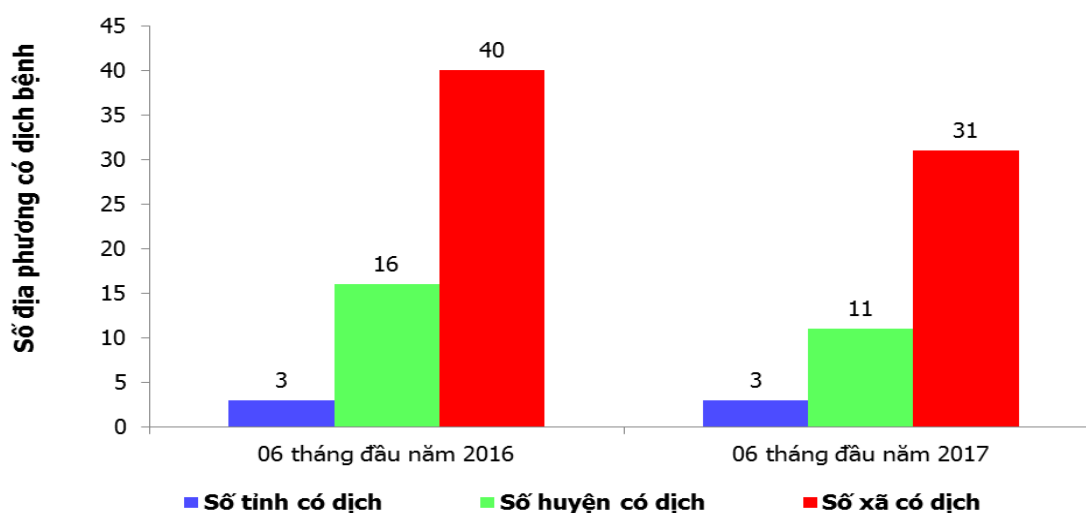


So sánh theo diện tích (ha) bị bệnh,

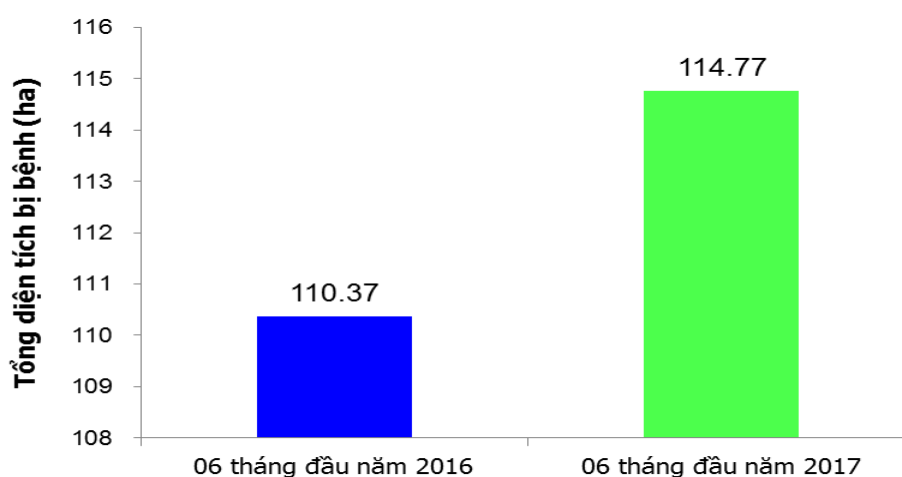
Hình 1: So sánh tình hình bệnh gan thận mũ theo số lượng địa phương và diện tích.

Bảng 4: Bệnh xuất huyết trên cá tra 06 tháng đầu năm 2017 tại các tỉnh.

TT	Tỉnh có dịch	Số huyện có dịch	Số xã có dịch	Diện tích bệnh (ha)	Diện tích (ha) nuôi tại thời điểm báo cáo *
1	Đồng Tháp	4	10	31,072	266,41
2	An Giang	6	20	83,5	338,97
3	Hậu Giang	1	1	0,2	13,13
	Tổng	11	31	114,77	618,51



So sánh theo địa phương bị bệnh



So sánh theo diện tích (ha) bị bệnh

Hình 2: So sánh tình hình bệnh xuất huyết tính theo số lượng địa phương và diện tích.

Bảng 5 : Một số kết quả phân tích mô tả về lưu hành bệnh gan thận mủ và xuất huyết ở cá tra tại Bến Tre và An Giang – Chương trình giám sát của Cục Thú y năm 2016.

TT	Chỉ tiêu tổng hợp	Bệnh xuất huyết			Bệnh gan thận mủ	
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%) dương tính (95% CI)	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%) dương tính (95% CI)
1	Tổng hợp theo không gian (huyện nghiên cứu):					
	Châu Phú - An Giang	799	88	11,01 (8,93 - 13,39)	19	2,38 (1,44 - 3,69)
	Phú Tân - An Giang	798	81	10,15 (8,14 - 12,46)	14	1,75 (0,96 - 2,93)
	Tổng của An Giang	1597	169	10,58 (9,12 - 12,20)	33	2,07 (1,43 - 2,89)
	Châu Thành - Bến Tre	592	27	4,56 (3,03 - 6,57)	31	5,24 (3,59 - 7,35)
	Chợ Lách - Bến Tre	764	33	4,32 (2,99 - 6,01)	23	3,01 (1,92 - 4,48)
	Tổng của Bến Tre	1356	60	4,42 (3,39 - 5,66)	54	3,98 (3,01 - 5,16)
2	Tổng hợp theo thời gian (đợt- thời gian lấy mẫu):					
	1 (16 - 28/3/2016)	296	35	11,82 (8,38 - 16,06)	3	1,01 (0,21 - 2,93)
	2 (29/3 - 11/4/2016)	298	20	6,71 (4,15 - 10,18)	6	2,01 (0,74 - 4,33)
	3 (13 - 25/4/2016)	296	21	7,09 (4,45 - 10,64)	4	1,35 (0,37 - 3,42)
	4 (26/4 - 09/5/2016)	298	8	2,68 (1,17 - 5,22)	0	0 (0 - 1,85)
	5 (10 - 23/5/2016)	294	17	5,78 (3,4 - 9,1)	0	0 (0 - 1,87)
	6 (15/5 - 06/6/2016)	294	17	5,78 (3,4 - 9,1)	0	0 (0 - 1,87)
	7 (07 - 26/6/2016)	296	23	7,77 (4,99 - 11,43)	2	0,68 (0,08 - 2,42)
	8 (21/6 - 06/7/2016)	293	30	10,24 (7,02 - 14,29)	17	5,8 (3,42 - 9,13)
	9 (05/7 - 17/7/2016)	294	33	11,22 (7,85 - 15,4)	30	10,2 (6,99 - 14,25)
	10 (18/7 - 11/8/2016)	294	25	8,5 (5,58 - 12,3)	25	8,5 (5,58 - 12,3)
3	Tổng hợp theo đối tượng (cá tra giống và cá tra thương phẩm):					

TT	Chỉ tiêu tổng hợp	Bệnh xuất huyết			Bệnh gan thận mủ	
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%) dương tính (95% CI)	Số mẫu dương tính	Tỷ lệ (%) dương tính (95% CI)
	Cơ sở sản xuất giống	430	37	8,6 (6,13 - 11,67)	11	2,56 (1,28 - 4,53)
	Cơ sở nuôi thương phẩm	2523	192	7,61 (6,61 - 8,71)	76	3,01 (2,38 - 3,76)
4	Tổng hợp theo loại mẫu:					
	Mẫu cá	1476	102	6,91 (5,67 - 8,33)	71	4,81 (3,78 - 6,03)
	Mẫu bùn, nước	1477	127	8,6 (7,22 - 10,15)	16	1,08 (0,62 - 1,75)